

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 14 /2018/DS-ST

Ngày 09 /10/2018

*“V/v tranh chấp về giao dịch dân sự,
hợp đồng dân sự”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn.

2. Bà Nguyễn Thị Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:18/2017/TLST-DS ngày18 tháng5 năm 2017về việc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-ST ngày31 tháng8 năm 2018,giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn G, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Xóm G, thôn S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn (anh Nguyễn Văn K) trình bày: Anh Nguyễn Văn K và ông Trần Văn G cùng làm nghề xây dựng. Năm 2011 và năm 2012 ông G có nhận xây dựng khu nhà ở có thu nhập thấp tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và nhận thầu xây dựng tại Bệnh viện HIV tỉnh Bắc Ninh. Sau khi nhận được công trình ông G có thuê anh K làm một số hạng mục về việc lắp ghép cốt pha tại hai công trình nói trên với thỏa thuận bằng miệng, phương thức thanh toán tạm ứng trong giai đoạn thi công và thanh toán toàn bộ giá trị khi công trình hoàn thành. Anh K đã thực hiện xong toàn bộ công việc mà ông G thuê. Sau khi công việc hoàn thành ông G đã nhận đủ tiền từ chủ đầu tư, anh K đến gặp ông G nhiều lần yêu cầu thanh toán tiền công còn lại cho phần việc mà anh K đã làm thì ông G hứa hẹn nhiều lần

nhưng không trả anh K tiền. Nay anh K yêu cầu ông G phải trả số tiền công nợ còn thiếu như sau:

Năm 2011 công trình khu nhà ở thu nhập thấp số tiền là 114.210.000đồng.

Năm 2012 công trình Bệnh viện HIV Bắc Ninh số tiền là 21.920.000đồng.

Ngoài số tiền công còn thiếu anh K yêu cầu ông G phải trả lãi suất đối với số tiền còn nợ từ khi xong công trình cho đến nay theo quy định của pháp luật.

Bị đơn (ông Trần Văn G) trình bày: Ông G có làm công trình cùng anh K tại khu nhà ở thu nhập thấp ở thành phố Bắc Ninh, quá trình thi công ông G có khoán cho anh K một số hạng mục cốt pha. Hai bên làm việc bằng miệng, không có hợp đồng hay văn bản thỏa thuận nào. Khi xong công trình hai bên cũng không thanh lý hợp đồng hay nghiệm thu gì. Anh K và ông G làm được 02 tầng thì chủ đầu tư của công trình thu nhập thấp không trả tiền nên ông G không làm nữa. Ông G đã thanh toán cho anh K một khoản tiền khoảng 2/3 giá trị công trình. Nay ông G xác định còn nợ anh K 70.000.000đồng tiền công trình còn thiếu. Hiện tại ông G chưa lấy được tiền của chủ đầu tư nên chưa có khả năng thanh toán cho anh K, khi nào lấy được thì ông G thanh toán cho anh K. Ông G không có gì để làm việc với anh K nên không đến tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông G phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,75%/1 tháng tính từ ngày 09/10/2013 cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX xấp dụng các điều 121, 124, 290, 388, 401, 305, 476- Bộ Luật dân sự 2005. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông K, buộc ông G trả ông K số tiền nợ gốc 70.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Do một phần yêu cầu của ông K đòi ông G số tiền 70.000.000đồng được chấp nhận nên ông G phải chịu án phí theo quy định.

Bác một phần yêu cầu của ông K đối với số tiền 66.130.000đồng do ông K không chứng minh được ông G còn nợ ông K.

Ông K phải chịu án phí đối với phần yêu cầu ông G trả 66.130.000đồng không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Văn G có hộ khẩu thường trú tại thôn S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự giữa anh K và ông G.

[2]Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ông Trần Văn G vắng mặt, nhưng ông G đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật TTDS.

[3]Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện giữa ông Trần Văn G và anh Nguyễn Văn K cùng làm nghề xây dựng. Sau khi nhận được công trình xây dựng ông G có giao nhận việc cho anh K làm phần lắp ghép cốt pha, khi giao nhận hai bên không lập hợp đồng và các văn bản theo quy định mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Sau khi thực hiện xong công việc giữa anh K và ông G không thống nhất được số tiền công và cũng không nghiệm thu công việc. Anh K đã kê khai tổng hợp ngày công cũng như khối lượng công việc và yêu cầu ông G ký nhận nhưng ông G không ký. Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã nhiều lần triệu tập ông G lên làm việc và hòa giải nhưng ông G đều vắng mặt không có lý do. Hiện tại ông G không sống tại địa chỉ đã đăng ký hộ khẩu thường trú, đi làm công trình xây dựng, không cố định, có thời gian đi miền Nam làm ăn. Sau khi liên hệ và làm việc được với ông G thì ông G không hợp tác, chỉ khai chung chung và không đồng ý đến Tòa án làm việc, đồng thời ông G có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành làm việc và xét xử vắng mặt anh G là đúng quy định của pháp luật. Do anh G vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Việc anh K và ông G thỏa thuận về công việc chỉ thể hiện bằng lời nói, không lập thành văn bản. Tuy nhiên cả hai bên đều thừa nhận việc giao kết hợp đồng thi công vào năm 2011, 2012 là có thật vì vậy cần áp dụng quy định của bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 401 Bộ luật dân sự, hợp đồng dân sự giữa anh K và ông G là hợp pháp. Ông G không đến Tòa án làm việc, nhưng ông G đã có lời khai trong hồ sơ và có thừa nhận nợ anh K tiền công, tuy nhiên ông G không nhớ cụ thể nợ bao nhiêu mà chỉ nhớ nợ 70.000.000đồng và đề nghị khi nào đòi được chủ đầu tư công trình thì sẽ thanh toán cho anh K. Khi giao nhận công việc giữa hai bên ông G và anh K đều thừa nhận không có hợp đồng cụ thể và không có nghiệm thu. Sau khi thực hiện xong hợp đồng ông G không trả tiền công cho anh K và cũng không ký chốt phần công nợ còn lại, ông K cũng không đưa ra được căn cứ nào khác để chứng minh việc ông G nợ số tiền 136.130.000đồng như anh K trình bày trong đơn khởi kiện. Việc ông K đưa ra yêu cầu là do tự ông K xác định và ông G không ký, không thừa nhận bằng lời nói hay văn bản. Do đó không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K được mà chỉ có căn cứ chấp nhận ông G nợ ông K 70.000.000đồng theo như ông G trình bày và buộc ông G phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông K số tiền 70.000.000đồng triệu đồng là phù hợp pháp luật. Còn lại số tiền 66.130.000đồng ông G không thừa nhận và anh K không chứng minh được cần bác yêu cầu của anh K về số tiền trên.

Tuy nhiên do ông G không thanh toán cho anh K khoản tiền công nợ còn thiếu theo thỏa thuận miệng giữa hai bên (khi anh K hoàn thành xong công việc ông G giao thầu) nên cần buộc ông G phải thanh toán cho anh K lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với

thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005. Mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm năm 2013 là 09 %/năm, tương đương 0,75%/1 tháng. Anh K hoàn thành công trình cho ông G từ ngày 09/10/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 60 tháng. Cụ thể cần buộc ông G phải trả cho anh K số tiền lãi là: $70.000.000\text{đồng} \times 0,75\% \times 60 \text{ tháng} = 31.500.000\text{đồng}$, cần buộc ông G phải trả cho anh K là phù hợp pháp luật.

[4]Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh K được chấp nhận một phần là 70.000.000đồng nên không phải chịu án phí DSST. Anh K phải chịu án phí DSST đối với số tiền 66.130.000đồng không được chấp. Ông Trần Văn G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định đã phân tích ở trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 121, 124, 290, 388, 401, 305, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015,

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, 271, 273, khoản 1 Điều 277- Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

Buộc ông Trần Văn G phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn K số tiền nợ gốc là: 70.000.000đồng và số tiền lãi phát sinh là: 31.500.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 101.500.000đồng (*Một trăm linh một triệu năm trăm ngàn đồng*).

Bác yêu cầu của anh Nguyễn Văn K yêu cầu ông Trần Văn G phải trả số tiền 66.130.000đồng (*Sáu sáu triệu một trăm ba mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Ông Trần Văn G phải chịu 5.075.000đồng (*Năm triệu không trăm bảy mươi năm ngàn đồng*) án phí DSST.

Anh Nguyễn Văn K phải chịu 3.306.500đồng (*Ba triệu ba trăm linh sáu ngàn năm trăm đồng*) tiền án phí DSST. Được trừ vào số tiền 4.300.000đồng anh K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 04532 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Trả lại anh Nguyễn Văn K số tiền 93.500đồng (*Chín mươi ba ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Việt Yên
- T.H.A huyện Việt Yên
- Các đương sự
- Lu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Vũ Văn Hợp